

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2023

1. Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Công nghệ thông tin	7480201	4586/QĐ-BGDĐT	21/10/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2022					
2	Kế toán	7340301	5144/QĐ-BGDĐT	05/11/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2022					
3	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	4586/QĐ-BGDĐT	21/10/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2020					
4	Quản lý công nghiệp	7510601	4586/QĐ-BGDĐT	21/10/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2015					
5	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	4586/QĐ-BGDĐT	21/10/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2014					
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	116/QĐ-BGDĐT	13/01/2014	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2022					
7	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	5144/QĐ-BGDĐT	05/11/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2020					
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	839/QĐ-BGDĐT	04/04/2019			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2021	2022					
9	Công nghệ thực phẩm	7540101	5144/QĐ-BGDĐT	05/11/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2015					
10	Quản trị khách sạn	7810201	116/QĐ-BGDĐT	13/01/2014	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2022					
11	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	4586/QĐ-BGDĐT	21/10/2013	951/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2022					

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
	Ngành Quản trị khách sạn												
1	Trần Hữu Nam	26/03/1952	012989198	Việt Nam	Nam	01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế			0
2	Hà Văn Hải	20/10/1951	024051000014	Việt Nam	Nam	01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế			0
3	Đoàn Thị Hà	16/10/1985	040185033251	Việt Nam	Nữ	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế			0
4	Hoàng Thị Thu Hiền	22/01/1988	040188024130	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
5	Lê Thị Bích Thủy	08/09/1964	012235891	Việt Nam	Nam	01/05/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
6	Nguyễn Bình Mạnh	12/02/1981	182394591	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn			0
7	Phan Ngọc Anh	08/05/1974	040074000163	Việt Nam	Nữ	01/12/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế			0
8	Trương Nam Thắng	17/08/1958	011456723	Việt Nam	Nam	01/05/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
9	Vương Thị Huyền	02/11/1990	040190037179	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn			0
10	Trần Huỳnh Quang	23/07/1988	079088029702	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
11	Võ Mạnh Thắng	10/02/1979	182155929	Việt Nam	Nữ	01/10/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học			0
	Ngành QT DVDL&LH												

me

[illegible]

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
24	Đỗ Thị Bích Hợp	30/06/1948	010214053	Việt Nam	Nam	01/05/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế			0
25	Trần Lê Sơn	13/07/1956	023005351	Việt Nam	Nam	01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
26	Trần Thị Thảo	20/05/1990	186965464	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích			0
27	Đào Thị Nhu Quỳnh	08/12/1984	040184027485	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
28	Hồ Thị Vây	10/09/1992	040192031310	Việt Nam	Nam	01/12/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán			0
29	Lê Diệu Thúy	25/02/1988	040188005126	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
30	Ngô Thị Tươi	24/04/1984	040184004065	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán			0
31	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/05/1983	040183013310	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
32	Nguyễn Thị Thùy Vân	24/11/1988	186477753	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán			0
33	Nguyễn Thị Việt Hằng	08/06/1985	186220314	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Thạc sĩ	Kế toán			0
34	Trần Thị Bích Ngọc	06/10/1986	040186018080	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Đại học	Kế toán			0
35	Nguyễn Thị Nhung	08/01/1989	040189004792	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Kế toán			0
36	Nguyễn Hương Giang	13/11/1987	040187035921	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tiếng Anh			0
37	Phan Thị Thu Hiền	05/08/1980	042180011017	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học			0

m

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
	Ngành Quản lý công nghiệp												
38	Hà Văn Lê	25/10/1950	182245864	Việt Nam	Nữ	01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế			0
39	Phan Khánh Hồi	16/03/1987	042187002762	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
40	Nguyễn Mạnh Hùng	01/01/1979	182239201	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục			0
41	Phạm Thị Ngọc Hiền	06/01/1985	186264519	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
42	Nguyễn Trọng Tiến	01/11/1977	182186136	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
43	Phan Thị Yến	09/10/1987	040187013144	Việt Nam	Nữ	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục			0
44	Trần Duy Hưng	20/09/1983	186021226	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
45	Trần Văn Thanh	10/01/1976	182011895	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế			0
46	Lê Mỹ Hạnh	10/10/1982	042182005407	Việt Nam	Nữ	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tiếng Anh			0
47	Hoàng Phước Hiếu	27/03/1989	040089028352	Việt Nam	Nữ	01/03/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học			0
	Ngành CNTT												
48	Nguyễn Ngọc Thuần	20/12/1951	040051005277	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
49	Trần Anh Tuấn	06/03/1960	040060010913	Việt Nam	Nữ	01/10/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học - Toán học			0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
50	Hoàng Thị Vinh	07/03/1981	040181016328	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính			0
51	Lê Thị Hoài Thu	10/09/1985	186037496	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			0
52	Lê Văn Bằng	15/11/1951	181156255	Việt Nam	Nam	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			0
53	Nguyễn Anh Tuấn	12/01/1978	182184307	Việt Nam	Nam	01/04/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin			0
54	Nguyễn Thanh Tuấn	09/09/1979	182357323	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin			0
55	Nguyễn Việt Cường	16/10/1980	040080009884	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin			0
56	Phan Thị Thu Hiền	28/08/1983	040183009887	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính			0
57	Nguyễn Bá Phong	27/04/1980	040080026146	Việt Nam	Nam	17/03/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán ứng dụng, xác suất thống kê			0
58	Phan Thanh Minh	06/05/1983	040083006587	Việt Nam	Nam	15/08/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			0
59	Lê Thị Bắc Hà	04/11/1980	040180027302	Việt Nam	Nam	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học - Giải tích			0
60	Hà Huy Sơn	17/08/1981	042081006388	Việt Nam	Nữ	01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Tin học			0
61	Nguyễn Thị Hiền	26/04/1984	040184024493	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Công nghệ thông tin			0
62	Cao Thị Phương Nhung	09/12/1986	040186007426	Việt Nam	Nữ	01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Chính trị			
	CN KT Điện – Điện tử												

me

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
63	Lương Thanh Bình	08/02/1958	186514499	Việt Nam		01/08/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kỹ thuật Điện			
64	Đậu Văn Tuấn	13/03/1991	040091016519	Việt Nam		01/07/2021	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật Điện			
65	Lê Thị Thanh Huyền	06/04/1985	042185018765	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông			
66	Nguyễn Duy Cường	13/09/1983	182412228	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quang học			
67	Võ Quang Hiệp	08/03/1952	186519485	Việt Nam		01/10/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục			
68	Nguyễn Thanh Quảng	02/01/1983	040083013086	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật Điện			
69	Nguyễn Trọng Sóng	28/11/1983	186251357	Việt Nam		01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
70	Nguyễn Văn Trường	01/10/1984	186266671	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử viễn thông			
71	Phùng Thị Thanh	17/07/1982	042182016173	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử viễn thông			
72	Âu Văn Tuấn	01/10/1983	182458259	Việt Nam		01/05/2021	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
73	Cao Đăng Hường	20/06/1984	040084023702	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Kỹ thuật Điện			
74	Nguyễn Thị Thủy	20/11/1986	034186017712	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Điện tử viễn thông			
75	Đặng Đình Hạnh	14/01/1981	040081004057	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học			
76	Nguyễn Thị Bích	10/08/1988	040188027498	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh			
77	Lê Văn Tài	23/12/2000	038200005247	Việt Nam		05/12/2022	HĐLĐ xác định thời hạn		Đại học	Kỹ thuật Điện, Điện tử			
	KT ĐK & Tự động hóa												
78	Ngô Trí Nam Cường	27/05/1979	040079000071	Việt Nam		01/04/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa			

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
79	Trịnh Văn Thân	07/03/1948	182051689	Việt Nam		01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Hóa dầu			
80	Nguyễn Hải Lâm	30/05/1987	040087015770	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
81	Bùi Thị Hoài Vân	15/10/1982	186521762	Việt Nam		01/04/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
82	Đinh Văn Tuyền	08/01/1983	182671441	Việt Nam		01/12/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
83	Lê Đình Tâm	11/09/1981	186436101	Việt Nam		01/04/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
84	Lê Thị Kim Dung	24/08/1982	186474114	Việt Nam		01/12/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
85	Nguyễn Văn Nhân	08/04/1980	186256463	Việt Nam		01/11/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
86	Phạm Văn Trí	25/02/1944	011258256	Việt Nam		01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật Nhiệt			
87	Đặng Thị Hải Chung	01/11/1986	042186012149	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh			
88	Trần Đăng Thạch	01/03/1978	040078002062	Việt Nam		01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Hóa học			
	KT Cơ khí												
89	Trần Mạnh Hà	24/04/1983	040083020445	Việt Nam		01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			
90	Đậu Chí Dũng	06/02/1982	182410852	Việt Nam		01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			
91	Đinh Anh Tuấn	09/12/1983	182562935	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật động cơ nhiệt			
92	Dương Thái Sơn	24/02/1981	182564238	Việt Nam		01/04/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật Cơ khí			
93	Lê Giang Nam	25/08/1981	040081003096	Việt Nam		01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Cơ điện tử			
94	Nguyễn Đức Hiền	18/01/1984	186175332	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô và xe chuyên dụng			
95	Nguyễn Đức Ngọc	23/03/1979	1822466521	Việt Nam		01/12/2021	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			

m

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
96	Nguyễn Hữu Ngoạn	05/10/1985	182623514	Việt Nam		01/04/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực			
97	Nguyễn Thanh Tuấn	18/02/1983	040083035318	Việt Nam		01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			
98	Trần Văn Hòa	15/06/1986	186598553	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			
99	Dương Tuấn Anh	13/12/1981	042081005132	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Cơ khí			
100	Đặng Thị Hằng	08/09/1978	040178025510	Việt Nam		01/01/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học			
	CN Thực phẩm												
101	Nguyễn Văn Việt	04/10/1948	015486442	Việt Nam		01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa học			
102	Phan Thị Thanh Hiền	26/08/1987	040187023697	Việt Nam		01/03/2022	HĐLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hóa phân tích			
103	Trương Thị Hòa	20/03/1947	011562452	Việt Nam		01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm			
104	Bùi Quang Chính	22/08/1977	181066475	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hóa học			
105	Mai Thị Kim Phượng	01/03/1989	033189008058	Việt Nam		01/06/2017	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hóa hữu cơ			
106	Nguyễn Thị Hoa	05/07/1986	186354192	Việt Nam		01/07/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hóa hữu cơ			
107	Nguyễn Thị Trang	28/06/1989	186541551	Việt Nam		01/07/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hóa phân tích			
108	Trần Anh Việt	28/05/1982	186048682	Việt Nam		01/05/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hóa học - Hóa phân tích			
109	Nguyễn Thị Lan Phương	07/02/1982	182520788	Việt Nam		01/03/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam			
110	Trịnh Thị Huyền	06/06/1977	186540271	Việt Nam		01/04/2018	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hóa học			

2.1.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học.

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	7540101	7510301	7810201	7510601	7480201	7810103	7510201	7510303	7340301		
1	Trần Hữu Nam	26/03/1952	012989198	Kinh tế					100							1	100
2	Hà Văn Hải	20/10/1951	024051000014	Kinh tế					100							1	100
3	Đoàn Thị Hà	16/10/1985	040185033251	Quản lý kinh tế					100							1	100
4	Hoàng Thị Thu Hiền	22/01/1988	040188024130	Quản trị kinh doanh					100							1	100
5	Lê Thị Bích Thủy	08/09/1964	012235891	Quản trị kinh doanh					100							1	100
6	Nguyễn Bình Mạnh	12/02/1981	182394591	Quản trị khách sạn					100							1	100
7	Phan Ngọc Anh	08/05/1974	040074000163	Quản lý kinh tế					100							1	100
8	Trương Nam Thắng	17/08/1958	011456723	Quản trị kinh doanh					100							1	100
9	Vương Thị Huyền	02/11/1990	040190037179	Quản trị khách sạn					100							1	100
10	Trần Huỳnh Quang	23/07/1988	079088029702	Quản trị kinh doanh					100							1	100
11	Võ Mạnh Thắng	10/02/1979	182155929	Toán học					100							1	100
12	Đỗ Thị Kim Liên	28/06/1951	180223965	Ngữ văn								100				1	100

m

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	754010 1	7510301	781020 1	7510601	7480201	7810103	751020 1	7510303	734030 1		
13	Lê Văn Hỷ	03/12/1968	079068022131	Văn học Việt Nam								100				1	100
14	Lê Văn Thông	12/02/1947	011281696	GS.TS Khí hậu trái đất/Tiến sĩ Địa lý kinh tế								100				1	100
15	Nguyễn Thị Mình Tuệ	07/04/1949	013031448	Địa lý								100				1	100
16	Nguyễn Văn Bình	20/08/1950	013351968	Khảo cổ học								100				1	100
17	Chu Thị Lan Anh	24/12/1992	040192034479	Nghiên cứu quan hệ kinh tế Á Âu								100				1	100
18	Lê Linh Chi	10/01/1975	042750147	Lí luận và phương pháp dạy học Văn và Tiếng Việt								100				1	100
19	Nguyễn Hương Giang	13/11/1987	040187035921	Tiếng Anh								100				1	100
20	Võ Thị Kim Cúc	18/10/1987	186197530	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh								100				1	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	754010 1	7510301	781020 1	7510601	7480201	7810103	751020 1	7510303	734030 1		
21	Ngô Thị Kim Oanh	24/08/1984	040184028205	Kinh tế phát triển								100				1	100
22	Lê Thị Trà Giang	26/10/1989	040189006095	Du lịch								100				1	100
23	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	17/05/1998	040198021731	Việt Nam học								100				1	100
24	Đỗ Thị Bích Hợp	30/06/1948	010214053	Kinh tế											100	1	100
25	Trần Lê Sơn	13/07/1956	023005351	Quản trị kinh doanh											100	1	100
26	Trần Thị Thảo	20/05/1990	186965464	Kế toán; kiểm toán và phân tích											100	1	100
27	Đào Thị Như Quỳnh	08/12/1984	040184027485	Quản trị kinh doanh											100	1	100
28	Hồ Thị Vây	10/09/1992	040192031310	Kế toán											100	1	100
29	Lê Diệu Thúy	25/02/1988	040188005126	Quản trị kinh doanh											100	1	100
30	Ngô Thị Tươi	24/04/1984	040184004065	Kế toán											100	1	100
31	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/05/1983	040183013310	Quản trị kinh doanh											100	1	100
32	Nguyễn Thị Thùy Vân	24/11/1988	186477753	Kế toán											100	1	100

m

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	754010 1	7510301	781020 1	7510601	7480201	7810103	751020 1	7510303	734030 1		
33	Nguyễn Thị Việt Hằng	08/06/1985	186220314	Kế toán											100	1	100
34	Trần Thị Bích Ngọc	06/10/1986	040186018080	Kế toán											100	1	100
35	Nguyễn Thị Nhưng	08/01/1989	040189004792	Kế toán											100	1	100
36	Nguyễn Hương Giang	13/11/1987	040187035921	Tiếng Anh											100	1	100
37	Phan Thị Thu Hiền	05/08/1980	042180011017	Toán học											100	1	100
38	Hà Văn Lê	25/10/1950	182245864	Kinh tế						100						1	100
39	Phan Khánh Hồi	16/03/1987	042187002762	Quản trị kinh doanh						100						1	100
40	Nguyễn Mạnh Hùng	01/01/1979	182239201	Quản lý giáo dục						100						1	100
41	Phạm Thị Ngọc Hiền	06/01/1985	186264519	Quản trị kinh doanh						100						1	100
42	Nguyễn Trọng Tiến	01/11/1977	182186136	Quản trị kinh doanh						100						1	100
43	Phan Thị YẾN	09/10/1987	040187013144	Quản lý giáo dục						100						1	100
44	Trần Duy Hưng	20/09/1983	186021226	Quản trị kinh doanh						100						1	100
45	Trần Văn Thanh	10/01/1976	182011895	Quản lý kinh tế						100						1	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	754010 1	7510301	781020 1	7510601	7480201	7810103	751020 1	7510303	734030 1		
46	Lê Mỹ Hạnh	10/10/1982	042182005407	Tiếng Anh						100						1	100
47	Hoàng Phước Hiếu	27/03/1989	040089028352	Khoa học						100						1	100
48	Nguyễn Ngọc Thuần	20/12/1951	040051005277	Công nghệ thông tin							100					1	100
49	Trần Anh Tuấn	06/03/1960	040060010913	Giáo dục học - Toán học							100					1	100
50	Hoàng Thị Vinh	07/03/1981	040181016328	Khoa học máy tính							100					1	100
51	Lê Thị Hoài Thu	10/09/1985	186037496	Công nghệ thông tin							100					1	100
52	Lê Văn Bằng	15/11/1951	181156255	Công nghệ thông tin							100					1	100
53	Nguyễn Anh Tuấn	12/01/1978	182184307	Hệ thống thông tin							100					1	100
54	Nguyễn Thanh Tuấn	09/09/1979	182357323	Hệ thống thông tin							100					1	100
55	Nguyễn Việt Cường	16/10/1980	040080009884	Hệ thống thông tin							100					1	100
56	Phan Thị Thu Hiền	28/08/1983	040183009887	Khoa học máy tính							100					1	100
57	Nguyễn Bá Phong	27/04/1980	040080026146	Toán ứng dụng, xác suất thống kê							100					1	100

[illegible]

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	754010 1	7510301	781020 1	7510601	7480201	7810103	751020 1	7510303	734030 1		
69	Nguyễn Trọng Sóng	28/11/1983	186251357	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa				100								1	100
70	Nguyễn Văn Trường	01/10/1984	186266671	Kỹ thuật điện tử viễn thông				100								1	100
71	Phùng Thị Thanh	17/07/1982	042182016173	Kỹ thuật điện tử viễn thông				100								1	100
72	Âu Văn Tuấn	01/10/1983	182458259	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa				100								1	100
73	Cao Đăng Hương	20/06/1984	040084023702	Kỹ thuật Điện				100								1	100
74	Nguyễn Thị Thủy	20/11/1986	034186017712	Điện tử viễn thông				100								1	100
75	Đặng Đình Hạnh	14/01/1981	040081004057	Toán học				100								1	100
76	Nguyễn Thị Bích	10/08/1988	040188027498	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh				100								1	100
77	Lê Văn Tài	23/12/2000	038200005247	Kỹ thuật Điện, Điện tử				100								1	100
78	Ngô Trí Nam Cường	27/05/1979	040079000071	Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa										100		1	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	754010 1	7510301	781020 1	7510601	7480201	7810103	751020 1	7510303	734030 1		
79	Trịnh Văn Thân	07/03/1948	182051689	Hóa dầu										100		1	100
80	Nguyễn Hải Lâm	30/05/1987	040087015770	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
81	Bùi Thị Hoài Vân	15/10/1982	186521762	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
82	Đinh Văn Tuyến	08/01/1983	182671441	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
83	Lê Đình Tâm	11/09/1981	186436101	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
84	Lê Thị Kim Dung	24/08/1982	186474114	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
85	Nguyễn Văn Nhân	08/04/1980	186256463	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
86	Phạm Văn Trí	25/02/1944	011258256	Kỹ thuật Nhiệt										100		1	100
87	Đặng Thị Hải Chung	01/11/1986	042186012149	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh										100		1	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành											Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kế toán		
					7510206	7510401	754010 1	7510301	781020 1	7510601	7480201	7810103	751020 1	7510303	734030 1		
88	Trần Đăng Thạch	01/03/1978	040078002062	Hóa học										100		1	100
89	Trần Mạnh Hà	24/04/1983	040083020445	Kỹ thuật cơ khí									100			1	100
90	Đậu Chí Dũng	06/02/1982	182410852	Kỹ thuật cơ khí									100			1	100
91	Đinh Anh Tuấn	09/12/1983	182562935	Kỹ thuật động cơ nhiệt									100			1	100
92	Dương Thái Sơn	24/02/1981	182564238	Kỹ thuật Cơ khí									100			1	100
93	Lê Giang Nam	25/08/1981	040081003096	Cơ điện tử									100			1	100
94	Nguyễn Đức Hiền	18/01/1984	186175332	Kỹ thuật ô tô và xe chuyên dụng									100			1	100
95	Nguyễn Đức Ngọc	23/03/1979	1822466521	Kỹ thuật cơ khí									100			1	100
96	Nguyễn Hữu Ngoan	05/10/1985	182623514	Kỹ thuật cơ khí động lực									100			1	100
97	Nguyễn Thanh Tuấn	18/02/1983	040083035318	Kỹ thuật cơ khí									100			1	100
98	Trần Văn Hòa	15/06/1986	186598553	Kỹ thuật cơ khí									100			1	100
99	Dương Tuấn Anh	13/12/1981	042081005132	Cơ khí									100			1	100

[illegible]

2.2 Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/C CCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
1	Lê Văn Doanh	19/08/1944	012254412	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	52	Nghỉ hưu			0
2	Trần Đình Thắng	22/06/1975	182005790	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	21	ĐH Công nghiệp TP HCM			0
3	Bùi Danh Hào	23/10/1978	182174084	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	18	Đại học SP Kỹ thuật Vinh			0
4	Trần Bình Giang	09/04/1981	182376072	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	15	Đại học SP Kỹ thuật Vinh			0
5	Phan Thị Hồng Duyên	17/07/1980	04218000933	Việt Nam	Nữ	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	13	CĐ nghề số 4			0
6	Vũ Anh Tuấn	25/09/1957	186535124	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động	39	Đại học SP Kỹ thuật Vinh			0
7	Đinh Văn Nhã	07/08/1948	011949796	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng	Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động	48	Nghỉ hưu			0
8	Đinh Văn Thuận	17/09/1954	012400029	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực	42	Công ty CP Tập đoàn Polyco			0
9	Bùi Thanh Hòa	05/12/1986	186324816	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động	10	Đại học SP Kỹ thuật Vinh			0

Handwritten signature

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/C CCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
10	Phùng Thị Hoàng	10/03/1987	186240025	Việt Nam	Nữ	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	9	Công ty CP Mobifone CN Nghệ An			0
11	Nguyễn Quang Ninh	17/01/1983	012293782	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật	13	Viện nghiên cứu năng			0
12	Tôn Thất Minh	22/08/1951	010411143	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	45	ĐH Bách Khoa HN			0
13	Đinh Văn Hiền	02/06/1949	010410605	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt	47	Nghỉ hưu			0
14	Nguyễn Chung	23/10/1982	186177404	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	14	Đại học SP Kỹ thuật Vinh			0
15	Trần Mạnh Cường	04/05/1988	04008804271	Việt Nam	Nam	9/1/2023	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	10	Trung tâm khoa học xã hội nhân văn			0
16	Phạm Văn Tuấn	26/06/1985	186221203	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	11	Đại học SP Kỹ thuật Vinh			0
17	Tạ Hùng Cường	11/30/1986	04008603885	Việt Nam	Nam	9/1/2023	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động	10	ĐH Vinh			0
18	Phan Thanh Tâm	18/10/1967	011456844	Việt Nam	Nữ	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm	29	ĐH Bách Khoa HN			0
19	Bùi Xuân Vinh	08/02/1978	182178666	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	18	Đại học SP Kỹ thuật Vinh			0
20	Vũ Đình Huy	17/04/1943	025364457	Việt Nam	Nam	01/09/2022	Hợp đồng thỉnh giảng	Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	53	Nghỉ hưu			0

2.2.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

STT	Họ và tên	Ngày,tháng ,năm sinh	Số CMTND/CC CD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành										Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
					Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản trị khách sạn	Quản lý công nghiệp	Công nghệ thông tin	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá			Kế toán
					7510206	7510401	7540101	7510301	7810201	7510601	7480201	7810103	7510201	7510303			7340301
1	Lê Văn Doanh	19/08/1944	012254412	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử				100								1	100
2	Trần Đình Thắng	22/06/1975	182005790	Công nghệ kỹ thuật hóa học			100									1	100
3	Bùi Danh Hào	23/10/1978	182174084	Vật lý lý thuyết và vật lý toán				100								1	100
4	Trần Bình Giang	09/04/1981	182376072	Công nghệ thông tin							100					1	100
5	Phan Thị Hồng Duyên	17/07/1980	042180009338	Hệ thống thông tin							100					1	100
6	Vũ Anh Tuấn	25/09/1957	186535124	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
7	Đinh Văn Nhã	07/08/1948	011949796	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
8	Đinh Văn Thuận	17/09/1954	012400029	Kỹ thuật cơ khí động lực	100											1	100
9	Bùi Thanh Hòa	05/12/1986	186324816	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa										100		1	100
10	Phùng Thị Hoàng	10/03/1987	186240025	Hệ thống thông tin							100					1	100
11	Nguyễn Quang Ninh	17/01/1983	012293782	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử				100								1	100

(Chữ ký)

[illegible]

3. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

3.1 Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định	
02/NQ-HNNĐT	23/06/2020	Hội nghị Nhà đầu tư	

3.2 Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1	Trần Lê Dũng	Đại học	Nam	Chủ tịch	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Chủ tịch hội đồng trường
2	Phạm Văn Chung	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Thành viên hội đồng trường
3	Phan Ngọc Anh	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Giảng viên cơ hữu
4	Nguyễn Xuân Hồng	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Thành viên hội đồng trường
5	Lê Thị Bắc Hà	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Giảng viên cơ hữu
6	Lê Văn Hỷ	Tiến sĩ	Nam	Phó chủ tịch	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Giảng viên cơ hữu
7	Trần Mạnh Hà	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Hiệu trưởng
8	Hà Văn Hải	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Giảng viên cơ hữu
9	Nguyễn Hồng Hải	Đại học	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Thành viên hội đồng trường
10	Trần Huỳnh Quang	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Giảng viên cơ hữu
11	Nguyễn Đình Thắng	Đại học	Nam	Phó chủ tịch	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Phó Chủ tịch Hội đồng Trường
12	Lê Giang Nam	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Giảng viên cơ hữu
13	Phạm Anh Tuấn	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH	Giảng viên cơ hữu

4. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	Kinh doanh và quản lý		250	7	5	0
1.1	Kế toán	7340301	250	7	5	100
2	Máy tính và công nghệ thông tin		200	21	22	0
2.1	Công nghệ thông tin	7480201	200	21	22	100
3	Công nghệ kỹ thuật		300	25	12	0
3.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	60	7	0	0
3.2	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	0	0	0	0
3.3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	180	18	12	100
3.4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	60	0	0	0
3.5	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	0	0	0	0
3.6	Quản lý công nghiệp	7510601	0	0	0	0
4	Sản xuất và chế biến		60		0	0
4.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	60		0	0
5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		140		3	0
5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	60	5	0	0
5.2	Quản trị khách sạn	7810201	80	11	3	100
	Tổng		0	0	42	0

Handwritten signature and initials in blue ink.

Nghê An, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Q. HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Mạnh Hà